

Số: 117/NQ-HĐKĐCL

Hà Nội, ngày 16 tháng 10 năm 2023

NGHỊ QUYẾT
Về việc thẩm định kết quả đánh giá chất lượng giáo dục
Trường Đại học Y Hà Nội

HỘI ĐỒNG KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Căn cứ Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT ngày 19/5/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 350/QĐ-KĐCL ngày 19/7/2021 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội về việc ban hành Quy định về hoạt động của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục;

Căn cứ Quyết định số 947/QĐ-KĐCL ngày 25/9/2023 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội về việc tổ chức Phiên họp XXIV của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục;

Căn cứ Quyết định số 949/QĐ-KĐCL ngày 25/9/2023 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội về việc thành lập các Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục Phiên XXIV;

Căn cứ kết quả nghiên cứu Hồ sơ tự đánh giá của Trường Đại học Y Hà Nội, Báo cáo đánh giá ngoài của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài, Báo cáo thẩm định của Tiểu ban chuyên môn và các tài liệu liên quan;

Căn cứ kết quả trao đổi, thảo luận và bỏ phiếu kín thông qua Nghị quyết tại Phiên họp XXIV ngày 15/10/2023 của Hội đồng,

QUYẾT NGHỊ:

1. Thống nhất với kết quả đánh giá chất lượng giáo dục Trường Đại học Y Hà Nội của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài. Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài đã thực hiện đánh giá chất lượng giáo dục Trường Đại học Y Hà Nội theo đúng quy định hiện hành. Kết quả đánh giá phản ánh đúng hiện trạng của Nhà trường và đã được Nhà trường đồng thuận. Thẩm định kết quả đánh giá chất lượng giáo dục Trường Đại học Y Hà Nội cho thấy điểm trung bình của các tiêu chuẩn trong từng mục: Đảm bảo chất lượng về chiến lược, Đảm bảo chất lượng về hệ thống, Đảm bảo chất lượng về thực hiện chức năng, Kết quả hoạt động đều đạt từ 3,50 điểm trở lên và không có tiêu chuẩn nào có điểm trung bình dưới 2,00 điểm (chi tiết trong Phụ lục I).

2. Kiến nghị Trường Đại học Y Hà Nội cần thực hiện 25 nhóm giải pháp cải tiến chất lượng giáo dục (chi tiết trong Phụ lục II).

3. Căn cứ Điều 46, Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT ngày 19/5/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Hội đồng đề nghị Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội cấp Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng giáo dục cho Trường Đại học Y Hà Nội.

**TM. HỘI ĐỒNG
CHỦ TỊCH**

Đinh Văn Toàn

Phụ lục I**KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y HÀ NỘI**

(Kèm theo Nghị quyết số: 117/NQ-HĐKĐCL ngày 16 tháng 10 năm 2023
của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục, Trung tâm KĐCLGD - ĐHQGHN)

Lĩnh vực/Tiêu chuẩn	Điểm trung bình	Lĩnh vực/Tiêu chuẩn	Điểm trung bình
Mục 1. Đảm bảo chất lượng về chiến lược	4.07	Mục 3. Đảm bảo chất lượng về thực hiện chức năng	4.22
Tiêu chuẩn 1	4.00	Tiêu chuẩn 13	4.20
Tiêu chuẩn 2	3.75	Tiêu chuẩn 14	3.60
Tiêu chuẩn 3	4.00	Tiêu chuẩn 15	4.40
Tiêu chuẩn 4	4.00	Tiêu chuẩn 16	4.75
Tiêu chuẩn 5	4.00	Tiêu chuẩn 17	4.25
Tiêu chuẩn 6	4.14	Tiêu chuẩn 18	4.25
Tiêu chuẩn 7	4.40	Tiêu chuẩn 19	4.00
Tiêu chuẩn 8	4.25	Tiêu chuẩn 20	4.25
Mục 2. Đảm bảo chất lượng về hệ thống	4.08	Tiêu chuẩn 21	4.25
Tiêu chuẩn 9	4.33	Mục 4. Kết quả hoạt động	4.23
Tiêu chuẩn 10	3.75	Tiêu chuẩn 22	4.50
Tiêu chuẩn 11	4.25	Tiêu chuẩn 23	4.17
Tiêu chuẩn 12	4.00	Tiêu chuẩn 24	4.25
		Tiêu chuẩn 25	4.00

Phụ lục II
CÁC KIẾN NGHỊ CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC
ĐỐI VỚI TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y HÀ NỘI

*(Kèm theo Nghị quyết số: 117/NQ-HĐKĐCL ngày 16 tháng 10 năm 2023
của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục, Trung tâm KĐCLGD - ĐHQGHN)*

Kết quả đánh giá chất lượng giáo dục Trường Đại học Y Hà Nội giai đoạn 2018-2022 cho thấy Nhà trường có những điểm mạnh như sau:

1. Về Đảm bảo chất lượng về chiến lược: Sứ mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi được xác định rõ ràng theo định hướng nghiên cứu ngang tầm Châu Á. Hệ thống quản trị và cơ cấu quản lý được thiết lập, phân định rõ trách nhiệm và hoàn thiện theo Luật Giáo dục đại học. Kế hoạch chiến lược phát triển phù hợp với yêu cầu phát triển của Bộ Y tế và mức độ tự chủ của Trường; các chỉ tiêu chiến lược cơ bản được xác lập đầy đủ và có các giải pháp khả thi để thực hiện. Các chính sách về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng được xây dựng và cập nhật kịp thời các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước và Bộ Y tế. Việc quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực được chú trọng đầu tư và triển khai đạt kết quả tốt; đội ngũ giảng viên có trình độ chuyên môn cao, năng lực nghiên cứu khoa học tốt. Tài chính tăng trưởng ổn định, đảm bảo nguồn lực triển khai các hoạt động và có tích lũy. Cơ sở vật chất, thư viện, hệ thống thí nghiệm thực hành, cảnh quan môi trường được đầu tư, đánh giá và cải tiến đáp ứng tốt yêu cầu đào tạo và nghiên cứu khoa học. Mạng lưới hợp tác trong nước và quốc tế được thiết lập và phát triển mạnh, hiệu quả.

2. Về Đảm bảo chất lượng về hệ thống: Hệ thống đảm bảo chất lượng được thiết lập khá hoàn chỉnh và vận hành khá nền nếp. Đội ngũ cán bộ chuyên trách có trình độ cao được đào tạo, bồi dưỡng. Chính sách chất lượng được xây dựng và thực thi. Các kế hoạch chiến lược và hoạt động đảm bảo chất lượng được triển khai đã hỗ trợ cải tiến, nâng cao chất lượng các hoạt động. Hệ thống quản lý thông tin đảm bảo chất lượng bên trong được xây dựng khá hoàn chỉnh có ứng dụng công nghệ thông tin trong thu thập, phân tích, quản lý, lưu trữ thông tin dữ liệu và hỗ trợ cho các cấp trong việc ra quyết định. Bộ chỉ số chất lượng và các biểu mẫu hướng dẫn và quy chế công khai được ban hành. Việc lựa chọn, sử dụng các thông tin so chuẩn, đối sánh bước đầu được triển khai trong phát triển chương trình đào tạo và phục vụ cho tự đánh giá, kiểm định chất lượng.

3. Về Đảm bảo chất lượng về thực hiện chức năng: Công tác tuyển sinh được đầu tư; tiêu chí và phương thức tuyển chọn người học được xác định rõ ràng, công bố công khai; kết quả tuyển sinh đại học tốt, thu hút được người học tiềm năng có chất lượng cao. Việc phát triển CTĐT được tiếp cận các phương pháp hiện đại; nội dung chương trình dạy học cập nhật phù hợp với xu thế phát triển. Môi trường học tập đa dạng phù hợp với triết lý giáo dục và chú trọng khuyến khích tự học, tính sáng tạo của người học. Công tác kiểm tra đánh giá được đầu tư và có những cải tiến, phát triển nổi bật, tiên phong áp dụng công nghệ trong đánh giá. Kế hoạch phát triển các hoạt động, các chỉ số thực hiện chính của các hoạt động được xây dựng, rà soát, điều chỉnh và được sử dụng để đánh giá, cải tiến. Hệ thống, quy trình tổ chức, quản lý nghiên cứu khoa học được thiết lập và triển khai có hiệu quả. Chiến lược và kế hoạch phát triển hợp tác trong nghiên cứu được xác định và có các giải pháp thực hiện; hoạt động quan hệ đối ngoại và mạng lưới đối tác được mở rộng, phát huy hiệu quả, thu hút được đội ngũ chuyên gia có uy tín.

Các hoạt động kết nối, phục vụ cộng đồng đã tận dụng và phát huy được thế mạnh chuyên môn, mang lại những đóng góp có ý nghĩa và giá trị tích cực trong cuộc sống của cộng đồng và xã hội.

4. Về Kết quả hoạt động: Hệ thống quản lý học tập được triển khai với sự hỗ trợ của phần mềm; tỉ lệ tốt nghiệp, tỉ lệ thôi học, thời gian tốt nghiệp trung bình của các ngành đào tạo được xác lập và giám sát. Tỉ lệ sinh viên tốt nghiệp đúng hạn và có việc làm cao; chất lượng và mức độ đáp ứng yêu cầu công việc của người học tốt nghiệp được đánh giá tốt. Số lượng, loại hình nghiên cứu khoa học được xác định, giám sát; nhiều đề tài các cấp, nhiều công bố quốc tế có giá trị được thực hiện và có một số bằng sáng chế, hợp đồng chuyển giao. Hoạt động kết nối, phục vụ cộng đồng đạt được nhiều kết quả tốt có nhiều tác động xã hội to lớn, được các bên thụ hưởng đánh giá rất cao làm tăng uy tín, vị thế và hình ảnh của Nhà trường. Kết quả và các chỉ số tài chính của các hoạt động đạt ở mức cao, tăng trưởng tốt; thương hiệu, uy tín được chính phủ, các bộ ngành và địa phương, các bên liên quan ghi nhận và đánh giá cao; kết quả và chỉ số thị trường của các lĩnh vực được xác lập, giám sát, đối sánh nội bộ, đặc biệt trong đào tạo chính quy đại học, sau đại học, chuyên khoa và nghiên cứu khoa học.

Tuy nhiên, Nhà trường vẫn còn những điểm cần cải tiến nâng cao chất lượng (cụ thể như đã nêu trong Báo cáo đánh giá ngoài của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài). Trên cơ sở Hồ sơ thẩm định và kết quả thảo luận tại Phiên họp, Hội đồng kiến nghị Nhà trường cần xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục theo 25 nhóm giải pháp dưới đây:

1. Nghiên cứu hoàn thiện sứ mạng và tầm nhìn theo cách tiếp cận hiện đại hơn, có khả năng truyền cảm hứng và nhận diện thương hiệu cho các bên liên quan. Tổng kết và đánh giá thực tiễn mức độ đạt các mục tiêu chiến lược làm cơ sở xây dựng hoàn chỉnh và lượng hóa các chỉ số mục tiêu; kết hợp công bố tại các sự kiện của các bên liên quan để tiếp tục tăng tính thuyết phục và truyền cảm hứng.

2. Xác định rõ các yếu tố rủi ro có thể xảy ra làm ảnh hưởng đến sự phát triển bền vững trong quá trình thực hiện kế hoạch phát triển để có các giải pháp phòng ngừa thích hợp. Có kế hoạch và các chính sách cụ thể để thực hiện hiệu quả các chủ trương, mục tiêu chiến lược đã được ban hành; thực hiện giám sát chặt chẽ, chỉ đạo quyết liệt và cụ thể các nghị quyết/quyết định của Hội đồng trường. Rà soát, đánh giá kết quả thực hiện các nghị quyết để có những điều chỉnh kịp thời, phù hợp hơn với thực tiễn phát triển của đơn vị.

3. Phát huy nội lực kết hợp tranh thủ sự hỗ trợ của các bộ ngành và thành phố Hà Nội, sự hợp tác hỗ trợ của các tổ chức quốc tế để có thêm nguồn lực thực hiện thành công những mục tiêu chiến lược đã đặt ra. Chủ động cập nhật kịp thời các văn bản quy định nội bộ về công tác tổ chức cán bộ. Nghiên cứu áp dụng mô hình tổ chức của các trường đại học y khoa/đại học ngành sức khỏe tiên tiến trên thế giới để điều chỉnh cơ cấu tổ chức theo hướng hội nhập, hiệu quả, phát huy năng động sáng tạo của các đơn vị.

4. Sử dụng công cụ đối sánh để tổ chức lại quy trình và xác định nội dung, nội hàm và các chỉ số chính của mô hình trường đại học được lựa chọn. Lựa chọn đối tác và các trường hợp thực hành tốt để tham khảo; sử dụng các tiêu chí và mốc chuẩn của các bảng xếp hạng, đối sánh để có đầy đủ thông tin xây dựng chiến lược cho giai đoạn tiếp theo.

5. Ban hành hướng dẫn về xây dựng các chính sách về đào tạo, nghiên cứu khoa học, phục vụ cộng đồng; định kỳ rà soát, đánh giá kết quả thực hiện chính sách và nâng cao năng lực

xây dựng, giám sát thực thi các chính sách. Nghiên cứu xây dựng các chính sách mang tính đột phá để thực hiện các mục tiêu chiến lược. Quan tâm đánh giá hiệu quả, tác động của các chính sách để cải tiến.

6. Rà soát, xây dựng cơ chế thu hút, đãi ngộ giảng viên và cán bộ khoa học cơ hữu đầu ngành. Xây dựng chỉ số KPIs và cơ chế thực hiện đánh giá kết quả, đãi ngộ gắn với ghi nhận đóng góp và hiệu quả thực hiện. Hoàn thiện các tiêu chí về năng lực để đánh giá và đào tạo theo tiếp cận năng lực, lưu ý việc tăng cường nghiệp vụ đối với đội ngũ giảng viên và tính chuyên nghiệp của nhân viên phục vụ. Thường xuyên lấy ý kiến và sự hài lòng các bên liên quan trong rà soát, hoàn thiện và thực hiện các chính sách, quy trình về nguồn nhân lực để cải tiến phù hợp với cơ chế tự chủ và tầm nhìn phát triển trường đến năm 2035.

7. Có chiến lược phát triển nguồn thu theo hướng đa dạng, tập trung vào các lĩnh vực tiềm năng trong chuyển giao công nghệ và thương mại hóa; tăng quy mô nguồn thu từ đào tạo chính quy. Đẩy nhanh tiến độ dự án đại học số và các phần mềm tích hợp để quản lý điều hành hiệu quả các cơ sở, phân hiệu. Tiếp tục bổ sung học liệu số, khai thác hiệu quả hệ thống LMS trong đào tạo, nghiên cứu. Có giải pháp cải tiến, đảm bảo an toàn cháy nổ và thoát hiểm tại các khu ký túc xá, thực hành, thí nghiệm và các hoạt động hỗ trợ, phục vụ người học.

8. Tiếp tục kiện toàn bộ phận đầu mối tham mưu xây dựng chiến lược và quản lý hoạt động hợp tác, đặc biệt các hợp tác và đối tác trong nước. Hoàn thiện bộ công cụ và các chỉ báo (KPIs) để thực hiện rà soát tổng thể, hoàn thiện mạng lưới đối tác chiến lược và các quan hệ đối ngoại. Có giải pháp tăng cường hợp tác doanh nghiệp, nhà đầu tư, thúc đẩy nhanh chuyển giao công nghệ và thương mại hóa để phát huy tiềm năng nghiên cứu khoa học của các đơn vị.

9. Rà soát tổng thể Chiến lược đảm bảo chất lượng giáo dục đảm bảo bao quát mọi mặt hoạt động nhằm hướng tới xây dựng và phát triển văn hoá chất lượng với có sự tham gia của các bên liên quan và xác định rõ nguồn lực thực hiện. Định kỳ rà soát, đánh giá quy trình lập kế hoạch các hoạt động đảm bảo chất lượng, các chỉ số thực hiện và chỉ tiêu phấn đấu chính để tiếp tục cải tiến. Tăng cường bồi dưỡng, tập huấn cho cán bộ làm công tác đảm bảo chất lượng cấp đơn vị; đẩy mạnh các hoạt động phổ biến chính sách và các quy trình đảm bảo chất lượng đến cán bộ, giảng viên và người học.

10. Sớm triển khai thực hiện tự đánh giá và đảm bảo chất lượng các CTĐT theo quy định. Tiếp tục tăng cường bồi dưỡng năng lực, nâng cao hiệu quả công tác đảm bảo chất lượng giáo dục. Phân tích kỹ lưỡng các kết quả tự đánh giá, các khuyến nghị của đoàn đánh giá ngoài để xây dựng và triển khai kế hoạch khắc phục các tồn tại; xác định rõ các giải pháp chủ yếu, lựa chọn các ưu tiên trong cải tiến chất lượng. Làm rõ việc phân bổ các nguồn lực để đáp ứng yêu cầu thực hiện các chỉ tiêu đề ra, quan tâm đầy đủ hơn đến các hoạt động đảm bảo chất lượng trong lĩnh vực khoa học công nghệ, kết nối và phục vụ cộng đồng.

11. Sớm xây dựng phần mềm tích hợp và cơ sở dữ liệu để khai thác, đối sánh, hỗ trợ ra quyết định quản lý. Xây dựng cơ sở dữ liệu đầy đủ về mức độ hài lòng của nhà sử dụng lao động đối với năng lực của người học tốt nghiệp và các hoạt động, tác động xã hội của hoạt động phục vụ cộng đồng đến các bên liên quan. Đánh giá hiệu quả quy trình quản lý thông tin, dữ liệu đảm bảo chất lượng bên trong để cải tiến.

12. Tăng cường đối sánh với các cơ sở giáo dục đại học có đào tạo trong lĩnh vực y khoa và chăm sóc sức khỏe, đặc biệt là các trường đại học tiên tiến ở Châu Á và có cơ chế cụ thể sử

dụng kết quả để cải tiến chất lượng ở các hoạt động. Nghiên cứu lựa chọn được mô hình trường đại học nước ngoài tương ứng có các thực hành tốt để đối sánh toàn diện làm động lực thúc đẩy các cải tiến, nâng cao chất lượng và đổi mới sáng tạo.

13. Đa dạng hóa hình thức, phương thức tuyển sinh theo các loại hình đào tạo đáp ứng nhu cầu người học, đảm bảo chính sách phát triển ngành và đặc thù theo thể mạnh của Trường; nghiên cứu cải tiến chính sách, phương thức tuyển sinh đối với các CTĐT sau đại học. Phân tích tương quan kết quả tuyển sinh với kết quả học tập sau các năm học để đo lường mức độ đáp ứng và khảo sát nhu cầu nguồn nhân lực để cải tiến chính sách, tiêu chí và điều chỉnh chỉ tiêu theo từng phương thức.

14. Xây dựng lộ trình cụ thể, sớm triển khai để lan toả những thực hành tốt trong xây dựng các CTĐT đổi mới Bác sĩ Y Khoa, Răng hàm mặt và Cử nhân điều dưỡng. Tiếp tục tăng cường năng lực cho giảng viên trong xây dựng, tổ chức thực hiện và đánh giá CTĐT đáp ứng chuẩn đầu ra. Tăng cường sự tham gia của các chuyên gia và nhà sử dụng lao động trong nước và quốc tế để tiếp tục rà soát, điều chỉnh CTĐT đáp ứng đầy đủ nhu cầu của các bên liên quan, phù hợp với triết lý giáo dục và tầm nhìn, sứ mạng của Nhà trường.

15. Có chính sách thúc đẩy và có lộ trình cải tiến CTĐT sau đại học kết hợp đổi mới đồng bộ hoạt động dạy - học phù hợp với triết lý giáo dục giúp người học phát triển năng lực hướng đến đạt được chuẩn đầu ra. Tham khảo, chia sẻ các thực hành tốt của khu vực và thế giới để xây dựng khung năng lực học tập suốt đời cho người học; định kỳ đánh giá việc triển khai các phương pháp dạy và học nhằm kịp thời điều chỉnh, cải tiến. Xây dựng chính sách thu hút, trao đổi đội ngũ giảng viên, bác sĩ quốc tế và cơ chế phối hợp với các bệnh viện để khai thác hiệu quả hơn nhân lực kiêm nhiệm trong đào tạo, nghiên cứu khoa học của Nhà trường.

16. Đổi mới phương pháp kiểm tra, đánh giá các học phần có giảng dạy trực tuyến, đặc biệt là các CTĐT sau đại học. Thường xuyên thực hiện quy trình thẩm định ngân hàng câu hỏi cho các học phần mới; duy trì phân tích đề thi để các bộ môn có cơ sở rà soát, chỉnh sửa ngân hàng đề thi. Thực hiện đầy đủ công tác khảo sát, thu thập thông tin phản hồi từ các bên liên quan để tiếp tục cải tiến chất lượng hoạt động kiểm tra đánh giá người học các CTĐT sau đại học.

17. Cụ thể hóa các tiêu chí đánh giá hoạt động hỗ trợ và phục vụ người học làm cơ sở cải tiến chất lượng phù hợp; chú trọng hơn nữa việc hỗ trợ hoạt động nghiên cứu khoa học và có các quy định cụ thể về hỗ trợ tài chính, quỹ đề tài nghiên cứu khoa học của người học. Xây dựng và ban hành quy định gắn chặt chẽ dịch vụ khám chữa bệnh của bệnh viện với nhiệm vụ đào tạo, nghiên cứu để hỗ trợ và phục vụ người học; đảm bảo sự tham gia chặt chẽ của đội ngũ nhân lực bệnh viện gắn kết với các hoạt động đào tạo của Trường.

18. Rà soát các chỉ tiêu cơ bản trong kế hoạch khoa học công nghệ; cập nhật Quy chế Quản lý hoạt động khoa học và công nghệ và xây dựng, ban hành quy định về hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên. Xây dựng các giải pháp đáp ứng yêu cầu của một trường đại học nghiên cứu, trong đó chú trọng văn hóa nghiên cứu và chiến lược tìm kiếm nguồn kinh phí khoa học công nghệ hiệu quả; tiếp tục đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu để tăng sản phẩm công bố khoa học, sở hữu trí tuệ và đổi mới sáng tạo, ngang tầm các nước trong khu vực.

19. Có chính sách hỗ trợ, khuyến khích, hướng dẫn thủ tục đăng ký bản quyền sáng chế, giải pháp hữu ích cho các sản phẩm để thúc đẩy bảo hộ tài sản trí tuệ. Ban hành văn bản công

bố chính thức về danh mục, hệ thống tài sản trí tuệ của Nhà trường. Có định hướng chiến lược và các giải pháp cụ thể cho việc tăng nguồn thu từ hoạt động thương mại hóa, chuyển giao sản phẩm khoa học công nghệ, khai thác thương mại tài sản trí tuệ của Trường.

20. Định kỳ rà soát, sửa đổi, cập nhật các văn bản, quy định, các kế hoạch, chiến lược và rà soát, đánh giá tính hiệu quả của hoạt động hợp tác, quan hệ đối tác nghiên cứu khoa học. Xây dựng các chỉ số KPIs chính về hợp tác và đối tác nghiên cứu khoa học trong đó nhấn mạnh trọng số về tính hiệu quả của hợp tác để xây dựng mạng lưới đối tác một cách bài bản, chuyên nghiệp hơn.

21. Xây dựng định mức cụ thể đối với khối lượng hoạt động phục vụ cộng đồng đối với cán bộ, giảng viên và người học và tích hợp trong đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ hàng năm. Có các hình thức giám sát, đánh giá kết quả triển khai trong thực tế để kịp thời có các điều chỉnh phù hợp. Có các quy định chính thức về nhiệm vụ phục vụ cộng đồng đối với Bệnh viện Đại học Y để phát huy đầy đủ vai trò quan trọng của Bệnh viện trong lĩnh vực hoạt động này.

22. Có hướng dẫn chi tiết về công tác giám sát, thống kê số lượng người học thi tốt nghiệp đúng hạn, thời gian tốt nghiệp trung bình của tất cả các CTĐT theo khoá học. Phân công trách nhiệm rõ ràng, có sự phối hợp chặt chẽ giữa các đơn vị trong hoạt động khảo sát việc làm của học viên sau đại học. Nâng cao chất lượng đối sánh về tình hình việc làm của người học sau tốt nghiệp với các trường đại học khác và quan tâm nhiều hơn đến hoạt động khảo sát để đánh giá mức độ hài lòng của các bên liên quan về chất lượng người học tốt nghiệp của tất cả các CTĐT.

23. Có chiến lược, kế hoạch tăng cường huy động, tìm kiếm nguồn kinh phí cho nghiên cứu khoa học khai thác hết tiềm năng nguồn lực con người, trang thiết bị. Thường xuyên rà soát và điều chỉnh các chỉ số, chỉ báo các hoạt động (KPIs) theo kịp với tình hình thực tiễn để tăng nhanh sản phẩm khoa học và tài sản trí tuệ. Thiết lập hệ thống thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan; xây dựng cơ sở dữ liệu, phân tích đánh giá kết quả và sử dụng dữ liệu phân tích để cải tiến các hoạt động. Chú trọng hoạt động hướng nghiệp, khởi nghiệp; tạo môi trường sinh thái khởi nghiệp cho người học.

24. Thực hiện đối sánh loại hình, số lượng tham gia, kết quả và tác động, mức độ hài lòng của các bên liên quan về hoạt động phục vụ cộng đồng để định vị và có các biện pháp cải tiến trong quản lý kết quả. Khảo sát, đánh giá đầy đủ, toàn diện các tác động đối với cán bộ, giảng viên và người học từ hoạt động kết nối phục vụ cộng đồng để cải tiến chất lượng, tăng hiệu quả, tính tích cực đối với các chủ thể và các đối tượng thụ hưởng.

25. Có chính sách, cơ chế để xác lập và kiểm soát các chỉ số tài chính theo hướng mở, khai thác hiệu quả các hoạt động đa dạng nguồn thu, trong đó chú trọng hoạt động đào tạo, chuyển giao thương mại hóa; quan tâm xác lập các chỉ số và kết quả và các chỉ số tài chính trong kết nối, phục vụ cộng đồng. Xác lập cụ thể các chỉ số thị trường, chỉ số cạnh tranh, thứ hạng, thế mạnh, thị phần và lựa chọn đối tác để thực hiện đối sánh để cải tiến. Tăng cường quảng bá thương hiệu để nâng cao sự nhận diện, vị thế và thu hút nguồn lực quốc tế. Xây dựng và ban hành các quy định về giám sát tổng thể và CSDL về các chỉ số thị trường của các hoạt động chính.

Trên đây là 25 nhóm giải pháp tổng hợp, Nhà trường cần nghiên cứu kỹ lưỡng Báo cáo đánh giá ngoài của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài để có thêm những giải pháp chi tiết trong

quá trình triển khai thực hiện. Sau nửa chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục (2,5 năm sau khi được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục), Nhà trường cần có báo cáo kết quả thực hiện cải tiến chất lượng gửi cơ quan quản lý trực tiếp, Bộ Giáo dục và Đào tạo và Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội theo quy định.
